

Bản tin chứng khoán

Trong số này

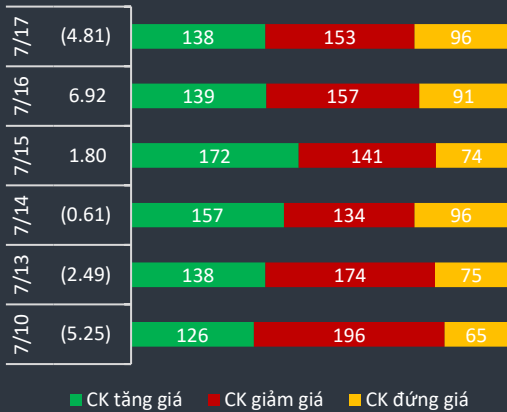
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

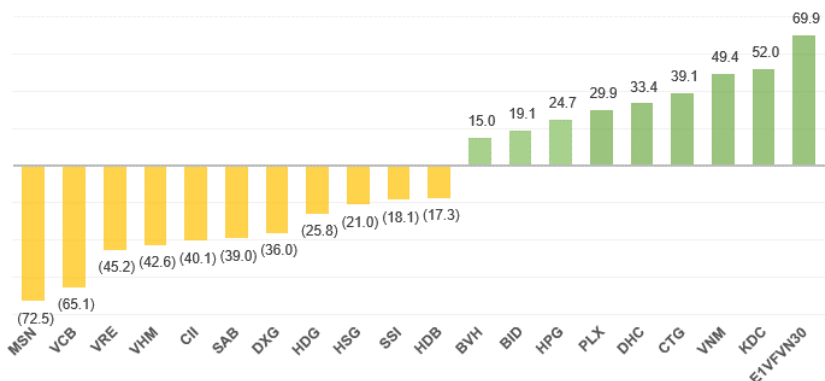
VNM	30.1
MBB	13.2
VIC	8.9
CTR	8.6
TCM	8.4
CTG	8.3
KDC	6.0
SSI	5.2
HPG	4.8
DHC	4.2
SHS	4.1
ACV	(4.9)
KSB	(5.0)
PVS	(5.2)
SHB	(6.5)
DBC	(7.2)
DXG	(7.8)
MSN	(18.3)
VCB	(22.9)
VHM	(31.4)

Thị trường giảm nhẹ phiên cuối tuần mất gần 5 điểm sau khi nhóm Vingroup đều mất điểm cộng thêm VJC, TCB, MSN. Nhóm cổ phiếu xanh điểm chỉ có vài mã VPB, PLX là đáng chú ý. Sự tập trung vào nhóm cổ phiếu mid cap và penny nhiều hơn đặc biệt là nhóm cổ phiếu khu công nghiệp D2D, SNZ, PHR, SZL đều tăng khá mạnh so với bình thường.

Thông tin ngành bất động sản KCN lại nổi sóng sau khi có thông tin chính phủ Nhật sẽ hỗ trợ khoảng nửa tỷ USD để khoảng 75 doanh nghiệp Nhật chuyển nhà máy ra khỏi Trung Quốc sang Việt Nam, Philippines, Malaysia, Thái Lan, Lào. Một số doanh nghiệp lớn đáng chú ý có thể chọn VN là điểm đến như Nikkiso, Yokoo, Hoya, Meiko ... Các công ty được trợ cấp để sang Việt Nam thuộc lĩnh vực sản xuất thiết bị y tế. Bên cạnh đó, có một số doanh nghiệp sản xuất liên quan đến chất bán dẫn, linh kiện điện thoại, máy điều hoà hay module điện...

Ở phiên cuối tuần khối ngoại giao dịch cân bằng và mua ròng một số mã VNM(30.1 tỷ), MBB(13.2 tỷ), VIC(8.9 tỷ), CTR(8.6 tỷ), TCM(8.4 tỷ). Tính chung cả tuần khối ngoại vẫn bán ròng nhẹ 300 tỷ đồng trong đó chủ yếu là MSN (72.5 tỷ), VCB (65.1 tỷ), VRE (45.2 tỷ). Mua ròng nhiều nhất là chứng chỉ quỹ và thêm KDC, VNM, CTG, DHC, PLX và HPG.

Mua bán ròng cả tuần của khối ngoại



Vnindex 872.02

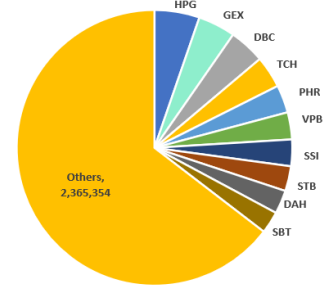
▼ -4.81 (-0.55%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
ACB	24.8	800	3.33
VPB	23.1	450	1.99
VGI	29.1	500	1.75
PLX	47.5	650	1.39
SHB	13.0	100	0.78
BVH	48.4	350	0.73
BID	41.6	250	0.60
VEA	45.3	200	0.44
GVR	12.1	50	0.41
MCH	72.0	100	0.14
MBB	17.5	-	-
CTG	24.1	-	-
BCM	26.5	-	-
BSR	7.1	-	-
HPG	28.6	(50)	(0.17)
NVL	61.9	(200)	(0.32)
GAS	71.9	(300)	(0.42)
SAB	192.0	(1,000)	(0.52)
HVN	26.2	(150)	(0.57)
VNM	116.8	(700)	(0.60)
VCB	82.8	(700)	(0.84)
EIB	17.5	(150)	(0.85)
ACV	58.5	(500)	(0.85)
HDB	27.0	(250)	(0.92)
MWG	84.0	(800)	(0.94)
POW	10.0	(100)	(0.99)
FPT	48.1	(500)	(1.03)
VHM	80.5	(1,000)	(1.23)
MSN	56.2	(800)	(1.40)
VIC	91.5	(1,500)	(1.61)
VRE	26.9	(450)	(1.65)
TCB	20.6	(400)	(1.90)
VJC	109.0	(3,000)	(2.68)



Top trading value (VND Bn)



Thị trường bắt đầu vào cao điểm các doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh Q2. Ngay trong cuối tuần vừa qua đã có nhiều doanh nghiệp ra báo cáo sơ bộ như VPB, FPT, SZC ... Thanh khoản chung có thể không mạnh mẽ như giai đoạn đầu tháng 5,6 nhưng vẫn ở mức khá gần 5 ngàn tỷ trên cả 3 sàn giao dịch. Nên nhớ là dòng tiền của nhà đầu tư có sự chia sẻ mạnh vào các giao dịch phái sinh và chứng quyền và cả trái phiếu vì vậy con số giao dịch cơ sở đạt ở mức cao như vậy là khá lạ quan.

Chỉ số Vnindex duy trì trên vùng hỗ trợ mạnh 860 đảm bảo xu hướng tăng vẫn tiếp tục trong ngắn hạn. Sự kỳ vọng vào kinh tế hồi phục cùng với các câu chuyện M&A và thoái vốn có thể tiếp sức cho thị trường trong giai đoạn sắp đến. Ít nhất trong 2 tuần đến thị trường sẽ diễn biến tích cực và nhà đầu tư có thể kiếm lợi nhuận ngắn hạn dựa trên việc lướt sóng nhóm cổ phiếu tăng trưởng và có câu chuyện M&A riêng như UDC, DBC, GEX, GTN ... Nhóm cổ phiếu này kỳ vọng tạo sóng ngắn trong khi nhóm cổ phiếu cơ bản vẫn duy trì tăng trưởng tốt có thể tiếp tục nắm giữ VCB, BVH, BID, PHR, TLG, MWG, DGW, FPT, HPG.

Danh mục quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Close / Support
MWG	84.0	1.30	62	100	Mua quanh 78 - 80. Mục tiêu 100	35.5%
VCB	82.8	0.10	60	95	Mua quanh 80-83. Mục tiêu 95	38.0%
TV2	74.0	(2.60)	65	90	Mua quanh 70. Mục tiêu 95	13.8%
PHR	53.7	1.50	38	65	Mua quanh 47-50. Mục tiêu 65	41.3%
BVH	48.4	0.90	40	60	Mua quanh 43-45. Mục tiêu 60	21.0%
FPT	48.1	0.60	40	60	Nắm giữ. Mục tiêu 60	20.3%
DGW	42.5	(6.30)	33	45	Nắm giữ. Mục tiêu 50	28.8%
BID	41.6	0.20	38	70	Mua quanh 37 - 39. Mục tiêu 50	9.5%
TLG	39.9	9.60	28	45	Nắm giữ. Mục tiêu 45	42.5%
HPG	28.6	2.90	21	30	Nắm giữ. Mục tiêu 35	36.2%
FRT	25.7	6.20	20	30	Mua quanh 20-22. Mục tiêu 30	28.5%
VGC	20.0	(2.40)	17	27	Mua quanh 20. Mục tiêu 25	17.6%
STB	11.6	0.40	9	13	Mua quanh 11-11.3. Mục tiêu 13	28.9%

PHR: Theo báo cáo từ công ty mẹ thì doanh thu 6T đầu năm công ty mẹ đạt 811,2 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 493,57 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 32,98% và 42,99% kế hoạch năm. Trong quý 3, Phước Hòa đạt kế hoạch khai thác cao su 4.370 tấn, thu mua 5.000 tấn mủ quy khô, sản lượng chế biến 9.370 tấn và sản lượng tiêu thụ 5.597,66 tấn. Cao su vẫn chỉ là phần phụ so với mức lợi nhuận thu được từ đền bù đất mà cụ thể kế hoạch PHR đặt ra doanh thu Q3 là 519 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế đến 290 tỷ đồng. Theo mục tiêu này thì kế hoạch lợi nhuận ngàn tỷ của PHR hoàn toàn có thể thành hiện thực trong năm nay.

Để chuẩn bị cho các năm sau, PHR vừa hoàn chỉnh các thủ tục để trình Tỉnh Bình Dương về việc thành lập mới 2 Khu Công nghiệp – Đô thị - Dịch vụ (Hội Nghĩa 715 ha và Bình Mỹ 1.002 ha) và hoàn thành các thủ tục để sớm triển khai KCN Tân Lập 1 (201,62 ha), KCN Tân Bình mở rộng 1.055 ha.

PHR	2015	2016	2017	2018	2019	Q1.2020
Doanh thu	1,227.3	1,178.2	1,653.7	1,557.8	1,638.8	220.9
Lợi nhuận	211.7	220.1	325.5	628.3	449.9	206.3
Lợi Nhuận Gộp	169.5	158.1	283.7	274.4	353.2	6.8
Chi phí lãi vay	34.7	18.9	48.9	27.8	30.3	33.2
KLCP DLH (triệu CP)	81.3	81.3	81.3	135.5	135.5	135.5
VCSH	2,193.2	2,295.6	2,411.1	2,686.8	2,601.0	2,771.5
Tổng Tài Sản	3,300.4	3,860.4	4,295.0	5,087.3	5,854.5	5,595.4
Vay Ngắn Hạn	360.2	603.2	462.9	127.3	99.2	82.2
Vay Dài Hạn	254.3	232.2	238.9	377.4	419.2	439.3
Tổng Nợ vay	614.5	835.4	701.7	504.6	518.4	521.5
Book Value	26,977	28,236	29,657	19,829	19,196	20,454
Vốn hóa	2,719.5	2,719.5	2,719.5	4,532.4	4,532.4	7,276.3
EPS	2,604	2,707	4,004	4,637	3,320	4,257
PE	6.1	10.5	12.0	9.5	16.2	12.6

VPB: VPBank công bố lợi nhuận trước thuế đạt gần 6.600 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kì năm trước và đạt 64% kế hoạch năm. Riêng ngân hàng mẹ đóng góp chiếm 64% tổng lợi nhuận. Tăng trưởng tín dụng trong kỳ đạt khá cao 9,8% so với cuối năm 2019.

Tỉ lệ nợ xấu hợp nhất VPBank cuối quý 2 từ 2,95% còn đã giảm xuống mức 2,71%.. Trong đó, tỉ lệ nợ xấu của ngân hàng mẹ giảm từ 2,18% xuống còn 2,07%. Đến cuối tháng 6/2020, hệ số CAR của VPBank đạt 11,27% tính theo tiêu chuẩn Basel II.

Trong năm 2020, VPBank đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 10.214 tỷ đồng, giảm 1,1%. Tổng tài sản tăng 12,7% lên 425.132 tỷ đồng; dư nợ cấp tín dụng tăng trưởng 12,3% với 304.744 tỷ đồng và tỷ lệ nợ xấu giữ ở dưới mốc 3%.

CHỈ TIÊU VỀ VỐN	2017	2018	2019	Q2 2020
EPS	4,101	2,907	3,265	3,977
Book Value	18,907	13,735	16,684	18,765
PE	-	-	-	6.15
P/Bv	-	-	-	1.31
Tổng Huy Động	133,550,812	170,850,871	213,949,568	236,776,714
Tổng Cho Vay	182,666,213	221,961,996	257,183,959	270,139,499
Dự phòng	(4,168,097)	(4,697,724)	(4,314,693)	(4,729,027)
Chi phí dự phòng	(8,001,058)	(11,253,231)	(13,687,626)	(2,719,717)
Lợi nhuận (tỷ VND)	6,440,767	7,355,568	8,260,263	2,951,022
Vốn chủ sở hữu/Huy động	22.24%	20.34%	19.73%	20.05%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	6.15	6.39	6.09	5.69
CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN				
Tỷ lệ trích lập dự phòng/Dư nợ	1.72%	1.61%	1.59%	1.57%
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	38.81%	45.56%	44.63%	35.32%
Tỷ lệ cho vay/TTS	65.77%	68.66%	68.18%	67.62%
Tỷ lệ Chứng khoán đầu tư/Tài Sản	19.28%	15.29%	17.97%	18.65%
Tỷ lệ cho vay/Tổng huy động (LDR)	136.78%	129.92%	120.21%	114.09%
Lãi dự thu/Tài Sản	1.37%	1.37%	1.60%	1.23%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TNI	2.96
FMC	3.09
LIX	3.21
SZC	3.90
HVH	4.18
CHP	4.43
BFC	4.60
TIP	4.74
D2D	5.50
PLP	6.70
DHA	6.89
UDC	6.89
DAH	6.94
LMH	16.67

Top tăng giá HNX

PVB	4.24
BTS	4.35
S99	5.06
CET	5.26
HNM	6.38
CVN	7.20
HHG	7.69
KVC	8.33
ASA	9.09
VAT	9.09
MEC	13.33
HVA	14.29
KHB	19.50
NDF	25.00

NTC - Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên - Doanh thu thuần trong kỳ đạt hơn 50 tỷ đồng tăng 6% so với cùng kỳ, sai khi trừ chi phí lãi 56 tỷ đồng giảm 8% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, NTC đạt 91,7 tỷ đồng doanh thu thuần và 141,4 tỷ đồng LNST.

PVB - Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam - Quý 2/2020 doanh thu thuần đạt 244 tỷ đồng cao gấp hơn 16 lần so với cùng kỳ, lãi ròng đạt 38 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 20,4 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, PV Coating (PVB) đạt 627,6 tỷ đồng tăng mạnh so với con số 21,4 tỷ đồng cùng kỳ và LNST đạt 87 tỷ đồng khả quan hơn rất nhiều so với con số lỗ 32 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2019.

GEG - CTCP Điện Gia Lai - Doanh nghiệp dự kiến chào bán 50.972.919 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phát hành 4:1 với giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/CP, thời gian dự kiến thực hiện là trong năm 2020 và quý I/2021 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

TMC - CTCP Thương mại xuất nhập khẩu Thủ Đức – Đã công bố kết quả kinh doanh quý II/2020 với doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ đạt 291,76 tỷ đồng, giảm 53% so với cùng kỳ năm ngoái và ghi nhận lỗ 3,81 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ 2019 báo lãi 10,77 tỷ đồng

NET - CTCP Bột giặt NET - Công bố báo cáo quý II/2020 với doanh thu 369,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 41,9 tỷ đồng, lần lượt tăng 30,9% và 116% so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu là 726,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 74,1 tỷ đồng, lần lượt tăng 36,2% và 112,3% so với 6 tháng đầu năm 2019. Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đạt 84,9 tỷ đồng, tăng 130% so với cùng kỳ năm 2019.

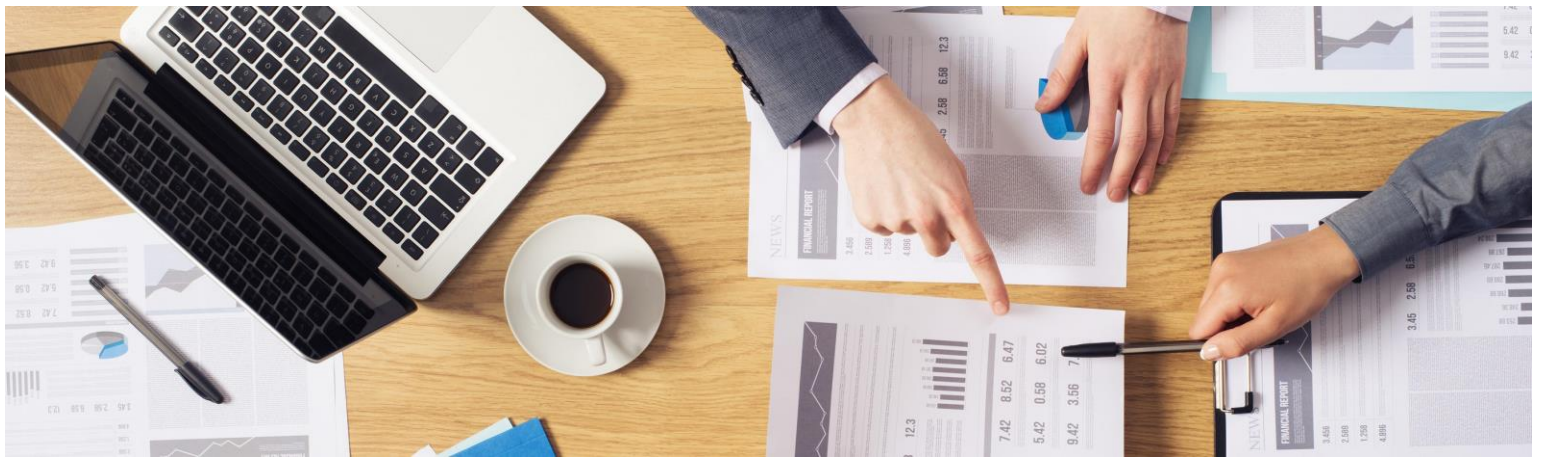
HPG - CTCP Tập đoàn Hòa Phát - Ngày 29/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 30/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 07/8/2020. Cổ tức bằng cổ phiếu được trả theo tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 2 cổ phiếu mới).

LDP - CTCP Dược Lâm Đồng - Ladophar - Thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 30/7 để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện 71% (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được 1 quyền mua, cứ 100 quyền mua được mua 71 cổ phiếu mới). Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu.



Cổ phiếu đang chạm các hỗ trợ:

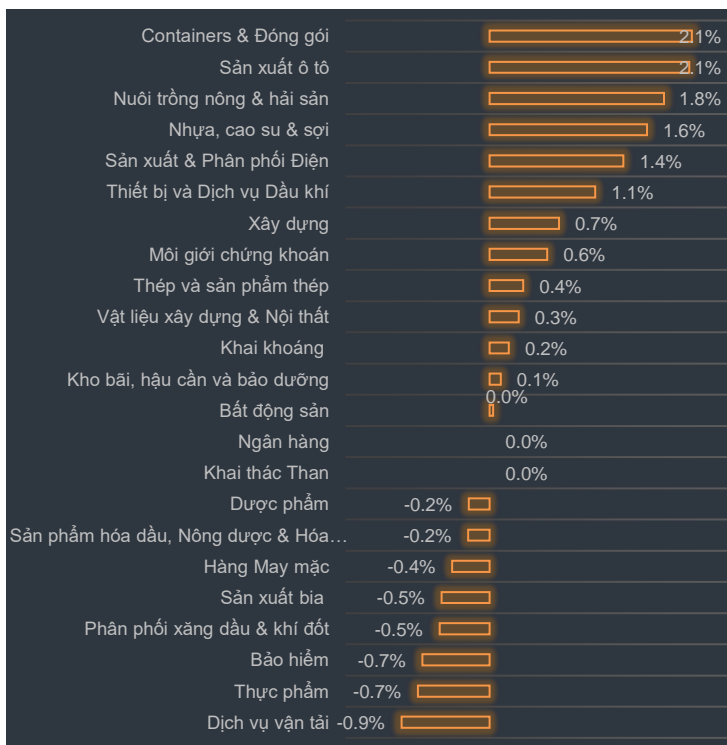
Ticker	Close	% 1D	% tuần trước	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Vol 3T	RSI	StochK
IMP	45.5	(1.94)	(12.80)	21.10	(17.90)	57,887	31.0	11.1
CTI	14.7	0.00	(1.70)	1.70	(38.70)	802,980	33.5	41.3
SAS	25	1.21	(1.20)	21.80	(43.00)	12,464	34.2	37.0
HNG	14.4	(0.35)	(6.20)	17.60	(22.80)	699,774	35.1	25.1
CII	18	(0.28)	(1.60)	0.00	(31.00)	1,591,063	37.5	16.7
SHB	12.9	0.78	(3.00)	164.30	(28.30)	5,335,657	39.8	29.5
EVF	6.6	(1.49)	(1.50)	32.00	(24.70)	157,308	40.0	33.3
ROS	3	(0.33)	(2.00)	0.70	(89.50)	20,849,894	40.4	13.3
HAG	4.7	0.65	(6.40)	83.50	(19.30)	6,245,429	40.5	6.8
NKG	7.2	(0.69)	(2.00)	63.60	(27.30)	2,274,420	41.4	4.6
VGT	7.8	0.00	(2.50)	32.20	(17.90)	121,634	41.6	33.3
DXG	11.2	(2.19)	(3.90)	43.90	(36.10)	3,949,890	42.5	21.5
ACV	59	(0.34)	0.00	39.80	(30.40)	328,803	43.2	82.1
DPG	23	(2.13)	(3.00)	12.20	(55.20)	330,207	44.2	33.3
LTG	19.4	0.52	(1.50)	50.40	(16.70)	208,082	44.8	44.0
FLC	3.4	(1.47)	(6.40)	35.10	(34.30)	13,522,181	44.9	14.9
GEG	20	0.00	(2.00)	4.70	(31.30)	478,437	45.1	26.8
AST	50.9	(0.20)	(0.20)	24.10	(43.40)	93,525	45.2	53.8
NTP	30.7	(2.23)	(1.60)	40.30	(9.70)	48,186	46.0	55.0
DRC	17.7	(1.67)	(0.30)	28.40	(28.80)	571,493	46.0	56.5
PVI	30	1.35	(1.00)	13.20	(24.60)	33,053	46.7	76.3
DBD	47.5	(0.52)	0.00	14.40	(23.30)	23,303	46.7	88.6
MSN	57	2.33	(0.70)	16.30	(29.50)	1,376,310	47.0	28.8



Thống kê nhóm cổ phiếu lớn:

Ticker	Close	Vol 3T	RSI	StochK	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Low 52W	High 52W	EPS	PE
HPG	28.55	12,766,214	63.1	76.7	76.2%	-0.2%	16.2	28.6	3,031	9.4
NVL	61.9	1,081,339	58.9	16.7	21.4%	-4.0%	51	64.5	3,668	16.9
ACB	24.8	3,956,159	63.2	56.8	39.3%	-6.8%	17.8	26.6	4,164	6.0
FPT	48.1	1,554,456	55.4	60.3	39.4%	-7.7%	34.5	52.1	4,870	9.9
HDB	26.95	1,024,425	58.5	73.9	55.8%	-10.2%	17.3	30	3,781	7.1
VNM	116.8	1,063,401	56.2	82.8	41.4%	-11.2%	82.6	131.6	6,061	19.3
VCB	82.8	860,784	48.6	63.6	44.8%	-12.4%	57.2	94.5	4,849	17.1
MCH	72	27,340	58.9	83.3	33.3%	-12.4%	54	82.2	5,730	12.6
CTG	24.1	5,361,487	60.2	49.7	40.1%	-13.3%	17.2	27.8	2,510	9.6
VEA	45.3	222,310	60.6	72.9	61.8%	-16.1%	28	54	5,480	8.3
TCB	20.6	1,831,552	52.5	74.4	38.3%	-17.9%	14.9	25.1	2,987	6.9
VHM	80.5	2,433,412	58.8	56.3	46.9%	-19.1%	54.8	99.5	7,663	10.5
VPB	23.05	4,114,448	55.9	67.2	35.6%	-20.0%	17	28.8	3,747	6.2
PLX	47.5	1,053,847	63.3	71.1	38.5%	-20.8%	34.3	60	997	47.6
VGI	29.1	647,752	55.1	47.5	53.2%	-22.8%	19	37.7	440	66.1
BCM	26.5	33,151	52.1	41.1	64.6%	-24.3%	16.1	35	2,430	10.9
BID	41.6	1,230,821	57.1	64.7	35.1%	-25.0%	30.8	55.5	2,181	19.1
VRE	26.85	3,062,044	51.1	61	51.7%	-25.2%	17.7	35.9	1,179	22.8
MBB	17.5	5,485,598	55.2	83.6	28.7%	-25.5%	13.6	23.5	3,432	5.1
VJC	109	414,328	48.1	55.6	13.8%	-26.5%	95.8	148.2	7,860	13.9
GVR	12.1	1,688,485	51.5	52.9	45.8%	-27.1%	8.3	16.6	826	14.6
VIC	91.5	439,011	47.6	54.4	28.0%	-27.4%	71.5	126.1	2,074	44.1
POW	10	4,381,745	47.2	49.4	40.8%	-27.5%	7.1	13.8	899	11.1
SHB	13	5,250,798	41.2	29.5	165.3%	-27.8%	4.9	18	2,014	6.5
BSR	7.1	4,345,459	52	6.1	47.9%	-30.4%	4.8	10.2	940	7.6
GAS	71.9	601,782	57.8	48.3	39.9%	-30.5%	51.4	103.4	5,869	12.3
MSN	56.2	1,374,481	43.4	35.5	14.7%	-30.5%	49	80.9	3,952	14.2
SAB	192	106,598	60.5	7.9	66.2%	-31.0%	115.5	278.2	7,068	27.2
ACV	58.5	329,327	40.8	71.8	38.6%	-31.0%	42.2	84.8	3,760	15.6
MWG	84	966,870	51	84	42.6%	-34.4%	58.9	128	8,820	9.5
HVN	26.2	966,539	45.9	36.9	47.2%	-34.5%	17.8	40	(1,030)	(25.4)
BVH	48.35	820,776	53.1	59.9	49.7%	-38.6%	32.3	78.8	1,141	42.4

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: PVL, HQC, VPH

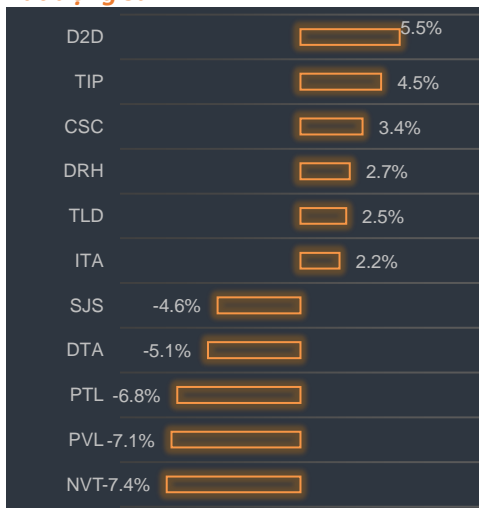
Xây dựng: SD6, TTL, VC7

Dầu khí: PGS, PGD, PVS

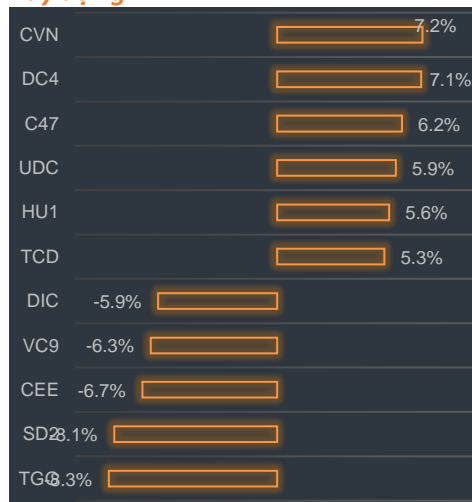
Chứng khoán: HBS, VDS, APG

Ngân hàng: TCB, TPB, EIB

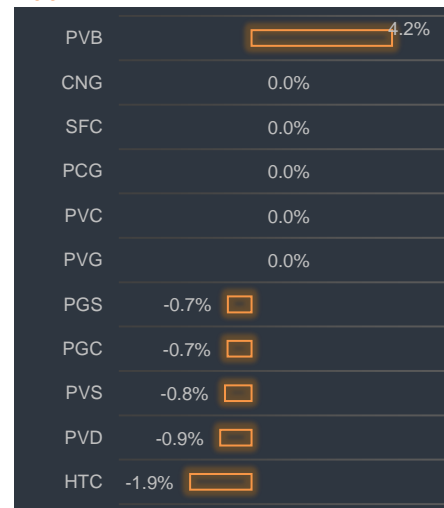
Bất động sản



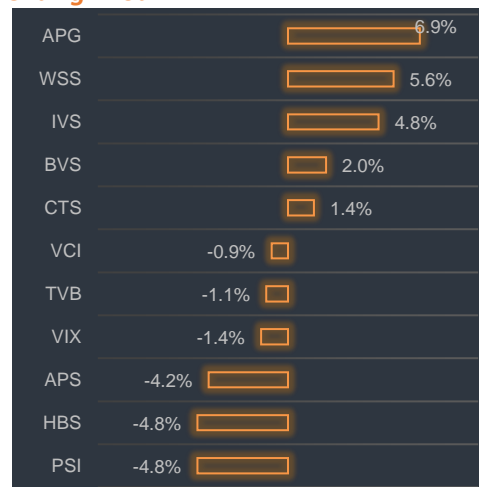
Xây dựng



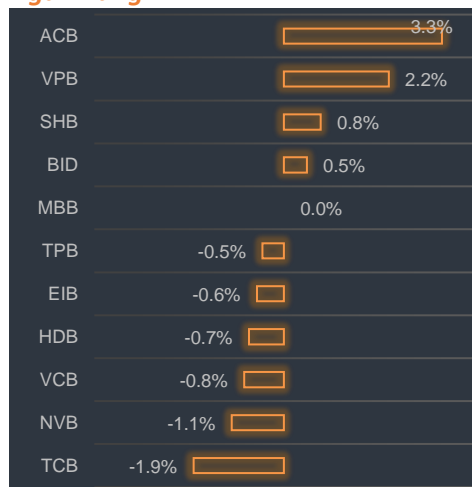
Dầu khí



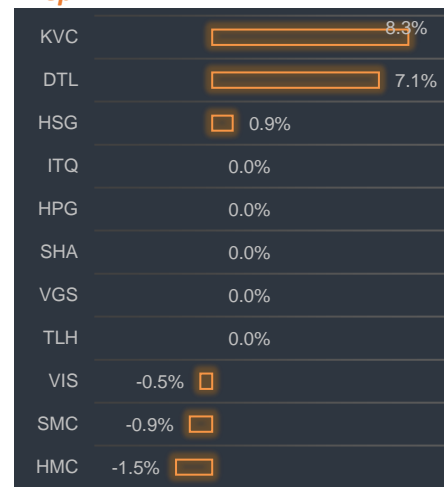
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.710 888 48

Fax: 028 3915 2931